

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 18 - 12 - 2023.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ.

Bà Huỳnh Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh L kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện M, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 20/8/2010. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống đã 05 năm, không còn quan tâm nhau, không thể hàn gắn tình cảm. Nay bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh L có một người con chung tên Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 27/10/2001, đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông L không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh L kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì giữa bà Ng và ông L phát sinh mâu thuẫn do không hợp về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau đã 05 năm. Xét thấy, giữa bà Ng và ông L không còn chung sống thời gian dài, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Thanh L có một người con chung tên Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 27/10/2001, đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng được quyền ly hôn với ông Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Đối với con chung Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 27/10/2001, đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010306 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Ng đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ